

TỔNG HỢP TIN TỨC THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số Dow Jones tăng điểm phiên thứ 8 liên tiếp. Số lượng đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu công bố ngày hôm qua đã giảm so với tuần trước đó, một thông tin được giới phân tích đánh giá rất tích cực. Trong khi đó chỉ số giá tiêu dùng trong tháng Hai giảm đã mở rộng thêm khả năng FED tiếp tục duy trì lãi suất thấp (*FED Fund Rate*). Tuy nhiên trong ngày 15/3, FED đã họp bàn về lãi suất chiết khấu, và nhiều khả năng cơ quan này sẽ tăng lãi suất chiết khấu trong năm nay, thời gian cụ thể chưa được xác định. Trước đó, ngày 18/2, FED đã nâng khoảng cách giữa lãi suất chiết khấu và lãi suất mục tiêu lên 0,5%, một động thái được cho là “bình thường hóa lãi suất” và không ám chỉ một sự thay đổi chính sách tiền tệ trong ngắn hạn.

Hy Lạp có thể tìm kiếm một gói cứu trợ từ Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF). Trong một phân tích được hãng Dow Jones Newswires công bố ngày 18/3, khả năng Châu Âu sẽ không đi tới một chương trình cụ thể trong khủng hoảng nợ của Hy Lạp, buộc nước này phải tìm kiếm một sự trợ giúp khác, IMF có thể là sự lựa chọn. Nhiều chuyên gia đánh giá Hy Lạp sẽ không thể thoát khỏi khủng hoảng nếu không tiếp cận được với những khoản vay với lãi suất thấp.

Thị trường chứng khoán Châu Âu đồng loạt giảm điểm do lo ngại những bất đồng trong vấn đề Hy Lạp đang khiến đồng euro bị tổn thương. Một số quốc gia Nam Âu sẽ là những nạn nhân tiếp theo của khủng hoảng nợ, Châu Âu sẽ ngày càng bị chia rẽ.

OPEC quyết định giữ nguyên sản lượng dầu khai thác. Đây là tuyên bố được đưa ra từ phiên họp của tổ chức này tại Vienne. Các quan chức cấp cao OPEC cho rằng giá dầu đang ở mức hợp lý và không có lý do để thay đổi sản lượng trong thời điểm này. Giá dầu giảm xuống dưới 82 đô la / thùng phiên chiều ngày 18/3 tại sàn giao dịch hàng hóa New York.

Trung Quốc thử nghiệm đánh giá những rủi ro nếu tăng tỷ giá. Động thái này cho thấy chính phủ Trung Quốc đang xem xét tới việc thay đổi chính sách tỷ giá, mặc dù thời gian gần đây liên tiếp bác bỏ yêu cầu nâng giá đồng nhân dân tệ của phương tây. Vấn đề đang ngày càng căng thẳng khiến quan hệ Mỹ - Trung đang bị tổn thương nghiêm trọng.

Thị trường chứng khoán thế giới

Phiên giao dịch 17/03/2010

Mỹ	Đóng cửa	Thay đổi	±%
Dow Jones	10.779,17	+45,50	+0,42
Nasdaq	2.391,28	+2,19	+0,09
S&P 500	1.165,83	-0,38	-0,03
Châu Âu			
FTSE 100	5.642,62	-2,00	-0,04
DAX 30	6.012,31	-11,97	-0,20
CAC 40	3.938,18	-19,71	-0,50
Châu Á			
Nikkei 225	10.744,03	-102,95	-0,95
Hang Seng	21.330,67	-53,82	-0,25
Shanghai	3.046,09	-4,39	-0,14

Thị trường dầu, vàng và dollar

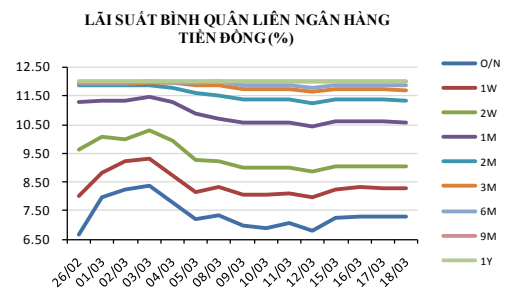
	Giá	Giao dịch ³
Dầu thô ¹	81,98	4:06 pm
Vàng ²	1.126,5	4:08 pm
US dollar index	80,51	4:18 pm

1- Dầu thô nhẹ giao tháng 4 - New York Mercantile Exchange

2- Vàng kỳ hạn - Commodity Exchange Inc.

3- Phiên giao dịch theo giờ New York (GMT-5)

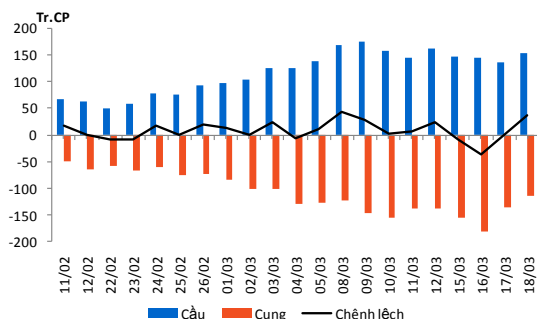
Nguồn: Yahoo Finance



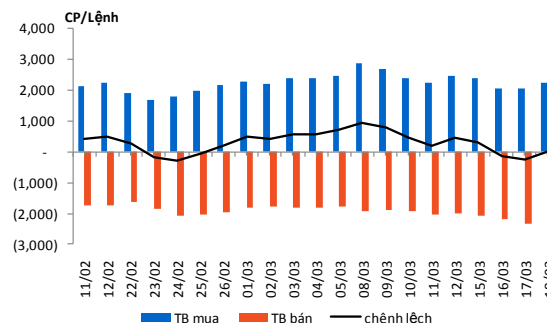
Nguồn: Thomson Reuters

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

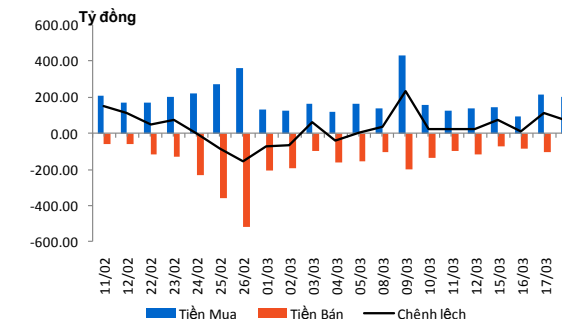
Diễn biến Cung – Cầu (niêm yết)



Diễn biến trung bình lệnh mua/bán (niêm yết)



Diễn biến giao dịch của NĐTNN (niêm yết)



HSX

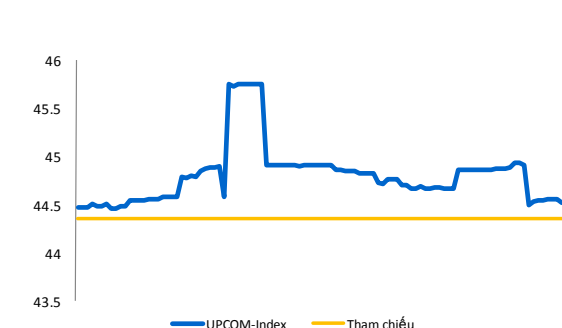
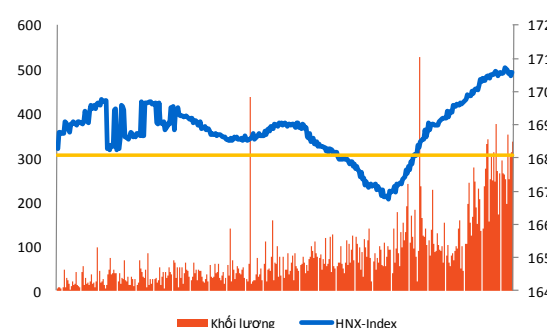
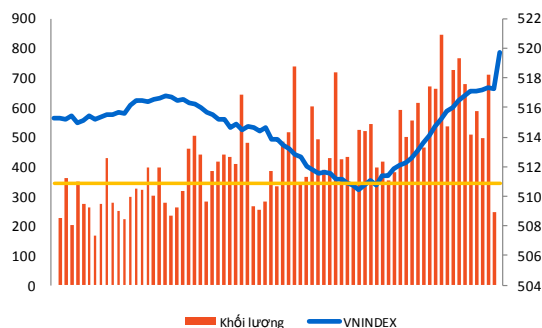
	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	519.73 ↑	8.88	1.74%
KLGD (triệu ck)	46.31 ↓	-5.05	-9.84%
GTGD (tỷ đồng)	2,127.18 ↓	-120.78	-5.37%
Tổng cung (triệu ck)	76.63 ↓	-16.92	-18.09%
Tổng cầu (triệu ck)	100.84 ↑	8.42	9.11%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	2.95 ↓	-0.42	-12.38%
KL bán (triệu ck)	3.23 ↑	0.91	39.51%
Giá trị mua (tỷ đồng)	166.09 ↓	-33.24	-16.67%
Giá trị bán (tỷ đồng)	125.24 ↑	32.31	34.77%

HNX

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	170.59 ↑	2.37	1.41%
KLGD (triệu ck)	29.69 ↓	-0.38	-1.27%
GTGD (tỷ đồng)	1,008.08 ↓	-6.00	-0.59%
Tổng cung (triệu ck)	38.55 ↓	-4.49	-10.43%
Tổng cầu (triệu ck)	51.13 ↑	6.80	15.34%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.91 ↑	0.42	87.07%
KL bán (triệu ck)	0.12 ↓	-0.09	-41.89%
Giá trị mua (tỷ đồng)	34.42 ↑	17.11	98.90%
Giá trị bán (tỷ đồng)	4.20 ↓	-3.43	-44.99%

UPCOM

	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	44.47 ↑	0.18	0.41%
KLGD (triệu ck)	0.32 ↓	-0.02	-5.93%
GTGD (tỷ đồng)	4.05 ↓	-0.22	-5.23%
Tổng cung (triệu ck)	0.41 ↓	-0.32	-43.95%
Tổng cầu (triệu ck)	0.31 ↓	-0.33	-51.44%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
KL bán (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị mua (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị bán (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%



HSX**5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất**

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SSI	88,000	90,500	2.84	372,929
HAG	85,500	87,000	1.75	122,557
KBC	58,500	61,000	4.27	116,703
ITC	92,000	94,500	2.72	71,385
LCG	74,500	77,000	3.36	64,512

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
HCM	60,000	63,000	3,000	5.00
REE	50,000	52,500	2,500	5.00
VPL	40,000	42,000	2,000	5.00
TS4	34,500	36,200	1,700	4.93
KSH	51,000	53,500	2,500	4.90

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
TRI	8,000	7,600	-400	-5.00
FBT	14,900	14,200	-700	-4.70
SJD	21,900	20,900	-1,000	-4.57
COM	57,000	54,500	-2,500	-4.39
SCD	26,000	25,200	-800	-3.08

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
KBC	37,379	CTG	27,839
SSI	33,073	BVH	24,728
BVH	24,086	VIC	8,999
HAG	23,014	DPR	8,771
SJS	6,988	DHG	8,369

HNX**5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất**

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VCG	54,700	56,500	3.29	124,585
KLS	25,600	26,500	3.52	99,851
BVS	38,600	41,300	6.99	60,710
STL	67,700	72,400	6.94	37,450
PVA	50,200	48,600	-3.19	37,021

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
CMC	20,000	21,400	1,400	7.00
BVS	38,600	41,300	2,700	6.99
HGM	55,900	59,800	3,900	6.98
NGC	21,500	23,000	1,500	6.98
S99	41,600	44,500	2,900	6.97

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
DID	27,200	25,300	-1,900	-6.99
PHH	42,200	39,300	-2,900	-6.87
VBC	41,200	38,400	-2,800	-6.80
DHI	12,000	11,200	-800	-6.67
BXH	22,500	21,000	-1,500	-6.67

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
BVS	17,422	DBC	821
KLS	5,776	PVX	721
PVS	4,179	VCG	597
SDT	2,484	S99	483
NTP	2,212	BVS	183

UPCOM**5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất**

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
APS	12,600	12,800	1.59	1,313
CLS	9,700	10,000	3.09	585
SME	15,700	16,100	2.55	569
VDS	15,900	15,600	-1.89	366
UDJ	13,700	13,700	0.00	309

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
ACC	29,700	32,500	2,800	9.43
BMJ	17,000	18,600	1,600	9.41
PSP	7,000	7,600	600	8.57
HIG	36,300	39,200	2,900	7.99
TNM	8,900	9,300	400	4.49

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
PTP	10,700	9,700	-1,000	-9.35
ACE	19,000	18,000	-1,000	-5.26
MAS	15,300	14,700	-600	-3.92
VPC	5,900	5,700	-200	-3.39
ABI	9,100	8,800	-300	-3.30

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ

Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa	KLGD (10 cp)	Tăng/Giảm (%)	Nơi giao dịch
DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	34.1	29,902	↑ 1.19	HSX
ICG	Công ty CP Xây dựng Sông Hồng	33.2	37,660	↑ 4.08	HNX
NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	8.5	532	↑ 2.41	UPCOM
PDC	Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông	12.1	8,690	↓ -0.82	HNX
PET	Công ty CP Dịch vụ Du lịch Dầu khí	27.6	87,411	↑ 3.76	HSX
PGD	Công ty CP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	57.0	40,552	↑ 4.59	HSX
PGS	Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	26.0	5,920	↑ 1.96	HNX
PHH	Công ty CP Hồng hà Dầu khí	39.3	26,350	↓ -6.87	HNX
PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	7.0	1,795	→ 0.00	UPCOM
PSP	Công ty CP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	7.6	256	↑ 8.57	UPCOM
PVA	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	48.6	78,360	↓ -3.19	HNX
PVC	Công ty CP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	27.7	13,210	↑ 2.59	HNX
PVD	Công ty CP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	59.5	22,745	↑ 0.85	HSX
PVE	Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí	17.2	6,030	↑ 1.18	HNX
PVF	Tổng công ty CP Tài chính Dầu khí	30.5	21,006	↑ 3.39	HSX
PVG	Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	24.0	15,540	↑ 5.26	HNX
PVI	Tổng công ty CP Bảo hiểm Dầu khí	27.1	9,110	↑ 1.88	HNX
PVS	Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	32.8	26,860	↑ 2.82	HNX
PVT	Tổng công ty cổ phần vận tải Dầu khí	12.9	31,374	↑ 2.38	HSX
PVX	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	25.2	111,920	↑ 1.61	HNX

LỊCH SỰ KIỆN

Lịch đấu giá các công ty

Công ty	VĐL (tỷ đồng)	Tổng số CP chào bán	Giá khởi điểm (đ/cp)	Ngày đấu giá	Thời gian nhận đặt cọc
Công ty công trình Viettel	238	1,925,000	10,000	08/04/2010	0
Công ty TNHH MTV Xi măng Thanh Sơn	34.2	1,213,300	10,000	04/02/2010	Hủy
Công ty bến xe ô tô khách liên nội tỉnh Kon Tum	32.797	3.182.290	10,000	20/01/2010	Hủy

Danh sách các công ty mới nộp hồ sơ xin niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày nộp hồ sơ
CTCP Cavico Khoáng sản và Công nghiệp	HNX	57	17/03/2010
CTCP Chứng khoán Hòa Bình	HNX	300	16/03/2010
CTCP Khoáng sản Hòa Bình	HNX	12.7	12/03/2010
CTCP Tập đoàn Đại Dương	HSX	2500	12/03/2010
CTCP United Motor Việt Nam	HNX	375	10/03/2010
CTCP Đầu tư và Xây dựng Điện Mêca VNECO	HSX	90.075	10/03/2010
Ngân hàng TMCP Miền Tây	HSX	1000	09/03/2010

Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày được chấp thuận
CTCP Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam	HNX	500	16/03/2010
CTCP Kỹ thuật điện Sông Đà	HNX	15.096	15/03/2010
CTCP Chứng khoán Vndirect	HNX	450	15/03/2010
CTCP Chứng khoán An Phát	HNX	135	15/03/2010
CTCP Xây dựng số 21 (Vinaconex 21)	HNX	40	10/03/2010

Lịch niêm yết lần đầu

Công ty	Mã CK	Địa chỉ niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá chào sàn (Đồng)	Ngày giao dịch
CTCP Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà	VHF	UPCOM			07/05/2010
CTCP Que hàn Việt Đức	QHD	HNX	27/01/1900		22/04/2010
CTCP Thép Nhà Bè		UPCOM			16/04/2010
CTCP Vật tư Bến Thành	VT1	UPCOM			15/04/2010
CTCP Nước khoáng Khánh Hòa	VKD	UPCOM			12/04/2010
Công ty cổ phần Nhà Việt Nam	NVN	HSX	15/04/1900		30/03/2010
CTCP Tập đoàn Thiên Long	TLG	HSX	03/06/1900		26/03/2010
CTCP cơ khí lắp máy LILAMA		HNX	01/02/1900		25/03/2010
CTCP Long Hậu	LHG	HSX	18/07/1900		23/03/2010
CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây	PTH	UPCOM			23/03/2010
CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	CTI	HNX	29/05/1900		19/03/2010
CTCP Nhựa – Bao Bì Vinh	VBC	HNX	18/01/1900		17/03/2010
CTCP Hồng Hà Dầu khí	PHH	HNX	20/03/1900		17/03/2010
CTCP Tập đoàn Thép Tiên Lữ	TLH	HSX	23/06/1901		16/03/2010
CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	SNC	UPCOM			16/03/2010
CTCP Thương mại Bưu chính Viễn thông	CKV	HNX	09/02/1900		11/03/2010
CTCP Công nghệ Mạng và Truyền thông	CMT	HSX	20/03/1900		11/03/2010

Nguồn: HSX, HSX

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Phòng Phân tích - Ban Chiến lược Kinh doanh - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng phân tích – Ban chiến lược kinh doanh

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 62789898 (Ext.: 400)



CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

20 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 62789898; Fax: (84-4) 62788989

Phòng giao dịch số 2:

Tầng 1, tòa nhà Petro Việt Nam, số 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37727308; Fax: (84-4)37727312

Phòng giao dịch số 3

Tầng 1, tòa nhà 22 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4) 39393875-77; Fax: (84-4) 39393874

Phòng giao dịch số 4

Tầng 1, số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37724434; Fax: (84-4)39426800

Chi nhánh TP.HCM:

Số 1-5 Lê Duẩn, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339